Trường Cao đẳng Kinh tế - Công nghệ TP. Hồ Chí Minh
Phòng Đào tạo & Đảm bảo chất lượng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# LỊCH THI KẾT THÚC MÔN - HỌC KỲ II NĂM HỌC 2020-2021
## CAO ĐẲNG CHÍNH QUY - KHÓA 16 VÀ HỌC LẠI

| STT | Mã MH | Nhóm | Tên môn học | Giảng viên | | Lớp | Ngày thi | Thứ | Phòng thi | Ca thi |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | CCK248 | 01 | Nguyên lý máy & Chi tiết máy | Nguyễn Nam | Quyền | C16CCK1 | 06/04/2021 | Ba | A4.2 | 1 |
| 2 | MHC409 | 02 | Pháp luật | Nguyễn Thị Thúy | An | C16CCK1 | 16/04/2021 | Sáu | A4.2, A4.3 | 2 |
| 3 | MHC052 | 03 | Anh văn 2 | Huyền H.T.N. Quỳnh | Mai | C16CCK1 | 26/04/2021 | Hai | A4.2, A4.3 | 1 |
| 4 | CCK143 | 01 | Công nghệ chế tạo cơ khí | Phạm Quốc | Cường | C16CCK1 | 28/04/2021 | Tư | A4.3 | 2 |
| 5 | COT370 | 01 | Ô tô và ô nhiễm môi trường | Hồ Duy | Khánh | C16COT1 | 09/04/2021 | Sáu | A5.2, A5.3 | 1 |
| 6 | MHC409 | 01 | Pháp luật | Nguyễn Thị Thúy | An | C16COT1 | 16/04/2021 | Sáu | A4.2, A4.3 | 1 |
| 7 | MHC052 | 01 | Anh văn 2 | Lương Thị Phong | Lan | C16COT1 | 26/04/2021 | Hai | B3.1, B3.2 | 1 |
| 8 | COT370 | 02 | Ô tô và ô nhiễm môi trường | Hồ Duy | Khánh | C16COT2 | 09/04/2021 | Sáu | A4.3 | 1 |
| 9 | MHC409 | 01 | Pháp luật | Nguyễn Thị Thúy | An | C16COT2 | 16/04/2021 | Sáu | A4.3, B4.9 | 1 |
| 10 | MHC052 | 02 | Anh văn 2 | Nguyễn Thị Tuyết | Vân | C16COT2 | 26/04/2021 | Hai | A5.3 | 1 |
| 11 | CTP101 | 01 | An toàn vệ sinh thực phẩm | Nguyễn Anh | Trinh | C16CTP1 | 06/04/2021 | Ba | A4.3 | 1 |
| 12 | CTP185 | 01 | Công nghệ chế biến rau quả | Hồ Thị Ngọc | Nhung | C16CTP1 | 09/04/2021 | Sáu | A4.2 | 2 |
| 13 | CTP227 | 01 | Công nghệ chế biến thủy hải sản | Nguyễn Anh | Trinh | C16CTP1 | 13/04/2021 | Ba | A5.2 | 1 |
| 14 | MHC409 | 03 | Pháp luật | Nguyễn Thị Thúy | An | C16CTP1 | 16/04/2021 | Sáu | A5.2, A5.3 | 2 |
| 15 | MHC052 | 04 | Anh văn 2 | Nguyễn | Hoàng | C16CTP1 | 26/04/2021 | Hai | B3.1, B3.2 | 2 |
| 16 | CTP240 | 01 | Công nghệ lên men | Lê Thanh | Hải | C16CTP1 | 28/04/2021 | Tư | A4.3 | 2 |
| 17 | MHC409 | 03 | Pháp luật | Nguyễn Thị Thúy | An | C16CTT1 | 16/04/2021 | Sáu | A5.2, A5.3 | 2 |
| 18 | MHC052 | 04 | Anh văn 2 | Nguyễn | Hoàng | C16CTT1 | 26/04/2021 | Hai | B3.1, B3.2 | 2 |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 19 | DDT290 | 01 | Quản lý công tác an toàn điện | Mai Văn | Lê | C16DDT1 | 06/04/2021 | Ba | A4.3 | 1 |
| 20 | MHC409 | 02 | Pháp luật | Nguyễn Thị Thúy | An | C16DDT1 | 16/04/2021 | Sáu | A4.2, A4.3 | 2 |
| 21 | MHC052 | 03 | Anh văn 2 | Huyền H.T.N. Quỳnh | Mai | C16DDT1 | 26/04/2021 | Hai | A4.2, A4.3 | 1 |
| 22 | HAN194 | 01 | Nghe nói Tiếng Hàn 2 | Nguyễn Hồng | Thy | C16HAN1 | 06/04/2021 | Ba | B4.9 | 1-VĐ |
| 23 | HAN194 | 02 | Nghe nói Tiếng Hàn 2 | Nguyễn Hồng | Thy | C16HAN1 | 06/04/2021 | Ba | B4.9 | 3-VĐ |
| 24 | HAN193 | 01 | Viết Tiếng Hàn 2 | Đào Tấn | Thắng | C16HAN1 | 13/04/2021 | Ba | A4.3 | 2 |
| 25 | HAN193 | 02 | Viết Tiếng Hàn 2 | Đào Tấn | Thắng | C16HAN1 | 13/04/2021 | Ba | A4.3 | 2 |
| 26 | HAN195 | 01 | Đọc Tiếng Hàn 2 | Trịnh | Thêm | C16HAN1 | 15/04/2021 | Năm | A4.3 | 2 |
| 27 | HAN195 | 02 | Đọc Tiếng Hàn 2 | Trịnh | Thêm | C16HAN1 | 15/04/2021 | Năm | A4.3 | 2 |
| 28 | MHC207 | 01 | Chính trị 2 | Nguyễn Thị Tri | Lý | C16HAN1 | 22/04/2021 | Năm | A5.2, A5.3 | 1 |
| 29 | MHC052 | 05 | Anh văn 2 | Ngô Thị Bích | Liên | C16HAN1 | 26/04/2021 | Hai | A4.2, A4.3 | 2 |
| 30 | DSN701 | 01 | Tâm lý Y học-Đạo đức hành nghề dược | Lê Huy | Thành | C16HDS1 | 26/03/2021 | Sáu | B2.1 | 2 |
| 31 | **DSS701** | **01** | **Thực vật dược** | **Lê Thị Phi** | **Yến** | **C16HDS1** | **09/04/2021** | **Sáu** | **B2.1** | **2** |
| 32 | DSS285 | 01 | Hóa Phân tích | Phan Thị | Hiệp | C16HDS1 | 14/04/2021 | Tư | B2.1 | 2 |
| 33 | MHC409 | 02 | Pháp luật | Nguyễn Thị Thúy | An | C16HDS1 | 16/04/2021 | Sáu | A4.2, A4.3 | 2 |
| 34 | MHC052 | 07 | Anh văn 2 | Huyền H.T.N. Quỳnh | Mai | C16HDS1 | 26/04/2021 | Hai | B3.1, B3.2 | 3 |
| 35 | KML071 | 01 | Cơ sở KT nhiệt lạnh và điều hòa KK | Phạm Quốc | Cường | C16KML1 | 06/04/2021 | Ba | A4.2 | 1 |
| 36 | DDT206 | 01 | Kỹ thuật điện | Mai Văn | Lê | C16KML1 | 09/04/2021 | Sáu | A4.2 | 2 |
| 37 | KML771 | 01 | Vật liệu nhiệt lạnh | Nguyễn Nam | Quyền | C16KML1 | 13/04/2021 | Ba | A5.2 | 1 |
| 38 | MHC409 | 02 | Pháp luật | Nguyễn Thị Thúy | An | C16KML1 | 16/04/2021 | Sáu | A4.2, A4.3 | 2 |
| 39 | MHC052 | 03 | Anh văn 2 | Huyền H.T.N. Quỳnh | Mai | C16KML1 | 26/04/2021 | Hai | A4.2, A4.3 | 1 |
| 40 | QKS102 | 01 | Giám sát khách sạn | Võ Chí | Linh | C16KS1 | 09/04/2021 | Sáu | A5.2 | 2 |
| 41 | KTC081 | 01 | Chăm sóc khách hàng | Trần Huỳnh Vân | Anh | C16KS1 | 13/04/2021 | Ba | A5.2, A5.3 | 2 |
| 42 | MHC207 | 04 | Chính trị 2 | Nguyễn Thị | Phương | C16KS1 | 22/04/2021 | Năm | A4.2, A4.3 | 2 |
| 43 | MHC052 | 06 | Anh văn 2 | Nguyễn Thị Tuyết | Vân | C16KS1 | 26/04/2021 | Hai | A5.3 | 2 |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 44 | KDN240 | 01 | Kế toán tài chính 1 | Hồ Thị | Huệ | C16KT1 | 06/04/2021 | Ba | A5.3 | 2 |
| 45 | MHC207 | 03 | Chính trị 2 | Nguyễn Thị | Phương | C16KT1 | 22/04/2021 | Năm | A5.2, A5.3 | 2 |
| 46 | MHC052 | 07 | Anh văn 2 | Huyền H.T.N. Quỳnh | Mai | C16KT1 | 26/04/2021 | Hai | B3.1, B3.2 | 3 |
| 47 | KDN242 | 01 | Kế toán tài chính 2 | Trần Thị Thanh | Hà | C16KT1 | 28/04/2021 | Tư | A5.3 | 2 |
| 48 | XDC184 | 01 | Sức bền và kết cấu | Hồ Bá | Toàn | C16KXD1 | 06/04/2021 | Ba | A4.2 | 1 |
| 49 | MHC409 | 02 | Pháp luật | Nguyễn Thị Thúy | An | C16KXD1 | 16/04/2021 | Sáu | A4.2, A4.3 | 2 |
| 50 | MHC052 | 03 | Anh văn 2 | Huyền H.T.N. Quỳnh | Mai | C16KXD1 | 26/04/2021 | Hai | A4.2, A4.3 | 1 |
| 51 | KTC081 | 01 | Chăm sóc khách hàng | Trần Huỳnh Vân | Anh | C16LH1 | 13/04/2021 | Ba | A5.2, A5.3 | 2 |
| 52 | MHC207 | 04 | Chính trị 2 | Nguyễn Thị | Phương | C16LH1 | 22/04/2021 | Năm | A4.2, A4.3 | 2 |
| 53 | QLH225 | 01 | Hệ thống di tích và danh thắng VN | Lư Nguyễn Xuân | Thanh | C16LH1 | 23/04/2021 | Sáu | A4.2 | 2 |
| 54 | MHC052 | 06 | Anh văn 2 | Nguyễn Thị Tuyết | Vân | C16LH1 | 26/04/2021 | Hai | A5.3 | 2 |
| 55 | QLH543 | 01 | Văn hóa Du lịch | Nguyễn Công | Trường | C16LH1 | 27/04/2021 | Ba | A4.2 | 2 |
| 56 | KTC207 | 01 | Marketing du lịch | Phạm Văn | Phương | C16LH1 | 04/05/2021 | Ba | A4.2 | 2 |
| 57 | QKD608 | 01 | Quảng cáo | Trần Thị ý | Nhi | C16MK1 | 19/04/2021 | Hai | A5.2, A5.3 | 1 |
| 58 | MHC207 | 02 | Chính trị 2 | Nguyễn Thái | Bình | C16MK1 | 22/04/2021 | Năm | A4.2, A4.3 | 1 |
| 59 | MHC052 | 08 | Anh văn 2 | Phạm Thị Lạc | Sinh | C16MK1 | 26/04/2021 | Hai | A4.2, A4.3 | 3 |
| 60 | KTC305 | 01 | Quản trị Marketing | Trần Thị ý | Nhi | C16MK1 | 29/04/2021 | Năm | A4.2 | 1 |
| 61 | KTC081 | 01 | Chăm sóc khách hàng | Trần Huỳnh Vân | Anh | C16NA1 | 13/04/2021 | Ba | A5.2, A5.3 | 2 |
| 62 | MHC207 | 04 | Chính trị 2 | Nguyễn Thị | Phương | C16NA1 | 22/04/2021 | Năm | A4.2, A4.3 | 2 |
| 63 | MHC052 | 09 | Anh văn 2 | Nguyễn | Hoàng | C16NA1 | 26/04/2021 | Hai | A5.3 | 3 |
| 64 | KTE374 | 01 | Văn hóa doanh nghiệp | Trần Văn | Của | C16NL1 | 06/04/2021 | Ba | A4.3 | 2 |
| 65 | KTE143 | 01 | Kinh tế vi mô | Trần Thanh | Hiền | C16NL1 | 15/04/2021 | Năm | A5.2, A5.3 | 2 |
| 66 | MHC207 | 03 | Chính trị 2 | Nguyễn Thị | Phương | C16NL1 | 22/04/2021 | Năm | A5.2, A5.3 | 2 |
| 67 | MHC052 | 11 | Anh văn 2 | Nguyễn Thụy Minh | Trang | C16NL1 | 26/04/2021 | Hai | A4.3 | 4 |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 68 | JAP102 | 01 | Đọc 2 Tiếng Nhật - Kanji | Quách Nguyễn Ngọc | Dao | C16NHA1 | 06/04/2021 | Ba | A5.2 | 2 |
| 69 | JAP114 | 01 | Viết Tiếng Nhật 2 | Quách Nguyễn Ngọc | Dao | C16NHA1 | 13/04/2021 | Ba | A5.3 | 1 |
| 70 | JAP108 | 01 | Nghe - Nói Tiếng Nhật 2 | Phạm Thị Ngọc | Lụa | C16NHA1 | 15/04/2021 | Năm | B4.9 | 1VĐ |
| 71 | MHC207 | 01 | Chính trị 2 | Nguyễn Thị Tri | Lý | C16NHA1 | 22/04/2021 | Năm | A5.2, A5.3 | 1 |
| 72 | MHC052 | 10 | Anh văn 2 | Nguyễn Thụy Minh | Trang | C16NHA1 | 26/04/2021 | Hai | A4.2 | 4 |
| 73 | QKD143 | 01 | Kinh tế quốc tế | Phạm Thị Bích | Hạnh | C16QQ1 | 06/04/2021 | Ba | A4.2 | 2 |
| 74 | MHC207 | 02 | Chính trị 2 | Nguyễn Thái | Bình | C16QQ1 | 22/04/2021 | Năm | B4.5 | 1 |
| 75 | MHC052 | 11 | Anh văn 2 | Nguyễn Thụy Minh | Trang | C16QQ1 | 26/04/2021 | Hai | A4.3 | 4 |
| 76 | KTC305 | 01 | Quản trị Marketing | Trần Thị ý | Nhi | C16QQ1 | 29/04/2021 | Năm | B4.9 | 1 |
| 77 | XDC184 | 01 | Sức bền và kết cấu | Hồ Bá | Toàn | C16QX1 | 06/04/2021 | Ba | A4.2 | 1 |
| 78 | MHC409 | 02 | Pháp luật | Nguyễn Thị Thúy | An | C16QX1 | 16/04/2021 | Sáu | A4.2, A4.3 | 2 |
| 79 | MHC052 | 03 | Anh văn 2 | Huyền H.T.N. Quỳnh | Mai | C16QX1 | 26/04/2021 | Hai | A4.2, A4.3 | 1 |
| 80 | ENG243 | 01 | Đọc Tiếng Anh 1 | Lâm Thị Quỳnh | Giao | C16TA1 | 06/04/2021 | Ba | A5.2 | 2 |
| 81 | ENG241 | 01 | Nghe Tiếng Anh 1 | Tăng Minh | Trí | C16TA1 | 09/04/2021 | Sáu | A5.3 | 2 |
| 82 | ENG244 | 01 | Viết Tiếng Anh 1 | Lâm Thị Quỳnh | Giao | C16TA1 | 13/04/2021 | Ba | A5.3 | 1 |
| 83 | MHC409 | 02 | Pháp luật | Nguyễn Thị Thúy | An | C16TA1 | 16/04/2021 | Sáu | A4.2, A4.3 | 2 |
| 84 | ENG242 | 01 | Nói Tiếng Anh 1 | Tăng Minh | Trí | C16TA1 | 22/04/2021 | Năm | B4.4 | 2VĐ |
| 85 | MHC052 | 10 | Anh văn 2 | Nguyễn Thụy Minh | Trang | C16TA1 | 26/04/2021 | Hai | A4.2 | 4 |
| 86 | TNH291 | 01 | Nghiệp vụ ngân hàng thương mại - P1 | Nguyễn Đăng | Khoa | C16TC1 | 06/04/2021 | Ba | A4.2 | 2 |
| 87 | TNH164 | 01 | Kinh tế lượng | Lê Trung | San | C16TC1 | 15/04/2021 | Năm | A4.2 | 2 |
| 88 | MHC207 | 03 | Chính trị 2 | Nguyễn Thị | Phương | C16TC1 | 22/04/2021 | Năm | A5.2, A5.3 | 2 |
| 89 | MHC052 | 09 | Anh văn 2 | Nguyễn | Hoàng | C16TC1 | 26/04/2021 | Hai | A5.3 | 3 |
| 90 | TNH311 | 01 | Nghiệp vụ ngân hàng thương mại - P2 | Nguyễn Đăng | Khoa | C16TC1 | 28/04/2021 | Tư | A5.2 | 2 |
| 91 | MHC409 | 03 | Pháp luật | Nguyễn Thị Thúy | An | C16TDH1 | 16/04/2021 | Sáu | A5.2, A5.3 | 2 |
| 92 | MHC052 | 13 | Anh văn 2 | Nguyễn Thị Tuyết | Vân | C16TDH1 | 26/04/2021 | Hai | A5.3 | 4 |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 93 | KTE143 | 01 | Kinh tế vi mô | Trần Thanh | Hiền | C16TM1 | 15/04/2021 | Năm | A5.2, A5.3 | 2 |
| 94 | MHC207 | 02 | Chính trị 2 | Nguyễn Thái | Bình | C16TM1 | 22/04/2021 | Năm | A4.2, A4.3 | 1 |
| 95 | MHC052 | 12 | Anh văn 2 | Lương Thị Phong | Lan | C16TM1 | 26/04/2021 | Hai | A5.2 | 4 |
| 96 | KTC305 | 01 | Quản trị Marketing | Trần Thị ý | Nhi | C16TM1 | 29/04/2021 | Năm | A4.3 | 1 |
| 97 | KTE374 | 01 | Văn hóa doanh nghiệp | Trần Văn | Của | C16VP1 | 06/04/2021 | Ba | A4.3 | 2 |
| 98 | KTC543 | 01 | Văn bản quản lý nhà nước | Trần Thị | Nhàn | C16VP1 | 15/04/2021 | Năm | A4.2 | 2 |
| 99 | MHC207 | 03 | Chính trị 2 | Nguyễn Thị | Phương | C16VP1 | 22/04/2021 | Năm | A5.2, A5.3 | 2 |
| 100 | MHC052 | 11 | Anh văn 2 | Nguyễn Thụy Minh | Trang | C16VP1 | 26/04/2021 | Hai | A4.3 | 4 |
| 101 | COT370 | 01 | Ô tô và ô nhiễm môi trường | Hồ Duy | Khánh | CL20COT1 | 09/04/2021 | Sáu | A5.3, A4.3 | 1 |
| 102 | KTC081 | 01 | Chăm sóc khách hàng | Trần Huỳnh Vân | Anh | CL20NA1 | 13/04/2021 | Ba | A5.2, A5.3 | 2 |
| 103 | TNH164 | 01 | Kinh tế lượng | Lê Trung | San | CL20TC1 | 15/04/2021 | Năm | A4.2 | 2 |

**Sinh viên cần lưu ý:**

- Phải xem kỹ lịch thi (ngày thi, ca thi, phòng thi); Có mặt trước giờ bắt đầu thi 15 phút để làm thủ tục dự thi.
- Giờ thi bắt đầu **Ca thi 1**: 7giờ 30; **Ca thi 2**: 9 giờ 30; **Ca thi 3**: 13 giờ 30; **Ca thi 4**: 15 giờ 30.
- Sinh viên không đem giấy tờ thùy thân không có dán ảnh không được dự thi.
- Sinh viên đến trễ quá 15 phút không được dự thi.

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2021*

**P.ĐÀO TẠO & ĐBCL**

Th.S Lý Thiên Bình